

Số: 34/2016/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia  
các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai  
năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015.*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017;*

*Xét Tờ trình số 11407/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua việc phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020 theo Tờ trình số 11407/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai áp dụng cho năm 2017, giai đoạn 2017-2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân công, phân cấp, chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Nguyên tắc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách

1. Đảm bảo nguyên tắc ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương, đồng thời, phải có nguồn để hỗ trợ bổ sung cho những địa phương có nguồn thu hạn hẹp.

2. Kế thừa những ưu điểm, khắc phục những hạn chế của quy định phân cấp nguồn thu và tỷ lệ điều tiết giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2011 - 2016.

3. Việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tăng tính chủ động trong việc sử dụng ngân sách của cấp huyện và cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội.

5. Gắn nguồn thu với nhiệm vụ chi và khả năng quản lý của từng cấp chính quyền địa phương.

6. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách cấp huyện, cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp tỉnh.

**Điều 4.** Phân công, phân cấp cơ quan thuế trong việc quản lý đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

1. Đối với các doanh nghiệp được thành lập trước ngày 10/10/2015

Cục Thuế và Chi cục Thuế vẫn tiếp tục quản lý thu đối với các doanh nghiệp đã được phân công, phân cấp theo quy định.

2. Đối với các doanh nghiệp thành lập mới từ ngày 10/10/2015

a) Cục Thuế quản lý thu đối với các doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp nhà nước: Tất cả các doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước từ 51% trở lên.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp dự án BOT, BTO, BT do nhà đầu tư thành lập để thiết kế, xây dựng, vận hành, quản lý công trình dự án và để thực hiện dự án khác theo quy định của pháp luật về đầu tư; doanh nghiệp liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài.

- Doanh nghiệp hạch toán toàn ngành, doanh nghiệp hoạt động trên nhiều địa bàn; doanh nghiệp có quy mô kinh doanh lớn; doanh nghiệp có số thu ngân

sách được phân bổ cho nhiều địa bàn cấp tỉnh hoặc nhiều địa bàn cấp huyện trên cùng tỉnh, được thụ hưởng theo quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh đặc thù, có tính chất pháp lý phức tạp như: Hoạt động xổ số, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kinh doanh bất động sản, kế toán, kiểm toán, hoạt động pháp luật, khai khoáng.

- Doanh nghiệp thành lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Doanh nghiệp thành lập trong các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý. Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất khẩu và doanh nghiệp có phát sinh hoàn thuế GTGT.

b) Chi cục Thuế quản lý thu đối với các doanh nghiệp:

Các doanh nghiệp còn lại có địa điểm hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn cấp huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có số vốn điều lệ đăng ký kinh doanh từ 30 tỷ đồng trở xuống.

**Điều 5.** Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ điều tiết giữa các cấp ngân sách

1. Các khoản thu từ lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu ngân sách Trung ương hưởng 100%; riêng các khoản thu phạt, tịch thu từ các doanh nghiệp địa phương quản lý do Hải quan thực hiện, ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

2. Các khoản thu nội địa bao gồm:

a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do Cục Thuế tỉnh trực tiếp thu: Ngân sách tỉnh hưởng 47%.

b) Thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế cấp huyện trực tiếp thu trên địa bàn:

- Các khoản thu thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, thu nhập doanh nghiệp: Ngân sách cấp huyện được hưởng 47%

- Các khoản thu thuế tài nguyên, lệ phí môn bài và thu phạt về thuế: Ngân sách cấp huyện được hưởng 100%

c) Thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường:

- Cục Thuế thu: Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 47%.

- Chi cục Thuế thu: Ngân sách cấp huyện được hưởng 47%.

d) Tiền sử dụng đất: Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 40% (trong đó trích tạo vốn cho Quỹ phát triển đất 30%, trích tạo vốn Quỹ phát triển nhà 10%), ngân sách cấp huyện được hưởng 60% để chi đầu tư phát triển.

Riêng đối với các trường hợp sau thì không thực hiện trích theo tỷ lệ trên, cụ thể:

- Trường hợp thực hiện ghi thu - ghi chi ngân sách:

+ Dự án thực hiện thanh toán bằng quỹ đất cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Xây dựng - Chuyển giao quy định tại Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Dự án hạ tầng giao thông theo quy hoạch của địa phương được UBND cấp huyện đầu tư từ nguồn vốn do nhà đầu tư ứng vốn trước để kết nối vào dự án khu dân cư do nhà đầu tư làm chủ đầu tư đã được cấp phép xây dựng.

- Trường hợp để lại ngân sách huyện 100% khoản thu tiền sử dụng đất của các hộ được bố trí tái định cư tại dự án: đối với dự án xây dựng khu tái định cư do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư sử dụng từ nguồn ngân sách nguồn vốn có tính chất đầu tư công do cấp huyện vay/tạm ứng.

đ) Tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất: Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 40%, ngân sách cấp huyện được hưởng 60%. Riêng tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất từ các dự án có cơ chế đặc thù hoặc từ các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu - chi ngân sách địa phương sẽ được thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

e) Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

- Cục Thuế quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%,

- Chi cục Thuế quản lý thu: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

g) Tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước:

- Thu từ các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%;

- Thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh và cá nhân kinh doanh: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

- Riêng tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước từ các dự án có cơ chế riêng hoặc từ các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu - chi ngân sách địa phương được thực hiện riêng theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

h) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:

- Giấy phép do Trung ương cấp: Ngân sách Trung ương hưởng 70%, ngân sách tỉnh hưởng 30%;

- Giấy phép do địa phương cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

i) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu: Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100%.

k) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp:

- Cục Thuế quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%;

- Chi cục Thuế quản lý thu: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%;

- Xã quản lý thu: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

l) Thu lệ phí trước bạ do các Chi cục Thuế thực hiện thu: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

m) Thu lệ phí môn bài:

- Cục Thuế và Chi cục Thuế quản lý thu: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%;

- Xã quản lý thu: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

n) Phí bảo vệ môi trường:

- Cơ quan tỉnh tổ chức thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%;

- Cơ quan huyện quản lý thu: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

- Riêng đối với phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

o) Các loại phí, lệ phí khác: cơ quan thuộc cấp nào thu thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

p) Các khoản thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

q) Các khoản thu sự nghiệp; thu tiền bán, cho thuê, cho thuê mua tài sản thuộc sở hữu nhà nước; thu kết dư; thu chuyên nguồn; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên; thu huy động, đóng góp viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng) thuộc ngân sách cấp nào cấp đó hưởng 100%.

r) Thu từ lĩnh vực xô số kiến thiết (trừ lệ phí môn bài); thu từ quỹ dự trữ tài chính; thu huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

s) Khoản tiền chậm nộp về thuế:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân sách Trung ương hưởng 100%.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

- Thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh và cá nhân kinh doanh: Ngân sách cấp huyện được hưởng 100%.

t) Thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố: Cơ quan nhà nước thuộc cấp nào quyết định xử phạt (tỉnh, huyện, xã), ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

(chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định. Trong trường hợp cần bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 19/12/2016./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành khối tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phú Cường**

PHỤ LỤC

TỶ LỆ PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH  
NĂM 2017, GIAI ĐOẠN 2017 - 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	TW	Tỉnh	H, TX, TP	Xã, Ph, T.Trần
<b>I</b>	<b>Các khoản thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>					
-	Thuế xuất khẩu	100	100			
-	Thuế nhập khẩu	100	100			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	100	100			
-	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	100	100			
-	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam	100	100			
-	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu	100	100			
-	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan Hải quan thực hiện	100	100			
-	Phí, lệ phí hải quan	100	100			
-	Các khoản phạt, tịch thu từ các loại hình doanh nghiệp do địa phương quản lý, ngành Hải quan Đồng Nai quyết định	100		100		
<b>II</b>	<b>Thu nội địa</b>					
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp hàng sản xuất - kinh doanh trong nước					
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước: trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	53	47		
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	100	53		47	
2	Thuế thu nhập cá nhân					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100	53	47		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100	53		47	
3	Thuế bảo vệ môi trường					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100	53	47		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100	53		47	
4	Thu tiền sử dụng đất					
a	Thu cân đối (thực thu)	100		40	60	
b	Ghi thu, ghi chi					
-	Tỉnh thực hiện	100		100		
-	Huyện, thị xã, thành phố thực hiện	100			100	
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
-	Giấp phép do Trung ương cấp	100	70	30		
-	Giấp phép do UBND tỉnh cấp	100		100		
6	Thuế tài nguyên	100				
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước: Trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100		100		
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	100			100	
7	Thu từ thu nhập sau thuế (thu cố tức)	100		100		
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước; ghi thu tiền thuê mặt đất, mặt nước					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100		100		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100			100	
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp					

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	TW	Tỉnh	H, TX, TP	Xã, Ph, T.Trần
-	Do Cục thuế quản lý thu	100		100		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100			100	
-	Do xã, phường, thị trấn quản lý thu	100				100
10	Lệ phí trước bạ	100			100	
11	Thu phí, lệ phí					
a	Lệ phí môn bài	100				
-	Do Cục thuế và Chi cục thuế quản lý thu	100			100	
-	Do xã, phường, thị trấn quản lý thu	100				100
b	Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản					
-	Do cơ quan tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Do cơ quan huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu	100			100	
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	100		100		
d	Các loại khác					
-	Do cơ quan trung ương tổ chức thu	100	100			
-	Do cơ quan tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Do cơ quan huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu	100			100	
-	Do cơ quan xã, phường, thị trấn tổ chức thu	100				100
12	Thu sự nghiệp					
-	Các đơn vị do cơ quan trung ương quản lý	100	100			
-	Các đơn vị do cơ quan tỉnh quản lý	100		100		
-	Các đơn vị do cơ quan huyện, thị xã, thành phố quản lý	100			100	
-	Các đơn vị do xã, phường, thị trấn quản lý	100				100
13	Thu tiền bán, cho thuê, cho thuê mua tài sản thuộc sở hữu nhà nước					
a	Các đơn vị do cơ quan Trung ương quản lý	100	100			
b	Các đơn vị do cơ quan tỉnh quản lý	100		100		
c	Các đơn vị do cơ quan huyện, thị xã, thành phố quản lý (trừ thu tiền sử dụng đất)	100			100	
d	Các đơn vị do xã, phường, thị trấn quản lý (trừ thu tiền sử dụng đất)	100				100
14	Các khoản thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	100				100
15	Thu khác ngân sách					
a	Khoản tiền chậm nộp về thuế					
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	100			
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	100		100		
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	100			100	
b	Thu phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác					
-	Cơ quan Trung ương tổ chức thực hiện		100			
-	Cơ quan Tỉnh tổ chức thực hiện	100		100		
-	Cơ quan Huyện, Thị xã, Thành phố tổ chức thực hiện	100			100	
-	Cơ quan xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện	100				100
c	Thu tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	100		40	60	
d	Thu tiền phạt chậm nộp tiền thuê mặt đất, mặt nước					
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước: trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100		100		
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	100			100	
đ	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước					
-	Do cơ quan Tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Do cơ quan huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu	100			100	
-	Do cơ quan Xã, phường, thị trấn tổ chức thu	100				100
e	Các khoản thu còn lại					

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	TW	Tỉnh	H, TX, TP	Xã, Ph, T.Trần
-	Cơ quan Trung ương tổ chức thực hiện	100	100			
-	Cơ quan Tỉnh tổ chức thực hiện	100		100		
-	Cơ quan Huyện, Thị xã, Thành phố tổ chức thực hiện	100			100	
-	Cơ quan Xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện	100				100
16	Thu xổ số kiến thiết (trừ lệ phí môn bài)	100		100		
17	Thu huy động, đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thu được cơ quan thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng)					
a	Trung ương tổ chức thu nộp	100	100			
b	Tỉnh tổ chức thu nộp	100		100		
c	Huyện, Thị xã, Thành phố tổ chức thu nộp	100			100	
d	Xã, phường, thị trấn tổ chức thu nộp	100				100
18	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	100		100		
19	Thu chuyển nguồn kinh phí ngân sách năm trước sang năm sau để chi, thu kết dư ngân sách năm trước					
a	Ngân sách tỉnh	100		100		
b	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố	100			100	
c	Ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
20	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
a	Trung ương bổ sung ngân sách tỉnh	100		100		
b	Tỉnh bổ sung ngân sách huyện, thị xã, thành phố	100			100	
c	Huyện, thị xã, thành phố bổ sung ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
21	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên					
a	Nộp lên ngân sách Trung ương	100	100			
b	Nộp lên ngân sách tỉnh	100		100		
c	Nộp lên ngân sách huyện, thị xã, thành phố	100			100	
22	Thu huy động vốn đầu tư theo Khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách	100		100		



CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường